BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TÀI CHÍNH**

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TINGKHAM VILAYPHON

QUẢN LÝ THUẾ TẠI TỈNH HỦA PHĂN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Chuyên ngành **: Kế toán**

Mã số **: 9.34.03.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS,TS. Vương Thị Thu Hiền**
2. TS. Tôn Thu Hiền

***Phản biện 1*:** .....
.....

***Phản biện 2*:** .....
.....

***Phản biện 3*:** .....
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính
Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới nền kinh tế và hội nhập quốc tế, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã từng bước cải cách hệ thống tài chính công và quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực cho ngân sách nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ngành Thuế Lào đang triển khai nhiều nội dung cải cách theo hướng hiện đại, lấy người nộp thuế làm trung tâm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng dịch vụ thuế điện tử, đổi mới phương thức quản lý theo mức độ tuân thủ và quản lý rủi ro, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý thuế. Những cải cách này đặt ra yêu cầu đối với cơ quan thuế các cấp phải đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và từng bước hiện đại hóa hoạt động quản lý thuế phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương. Kết quả triển khai cải cách quản lý thuế giữa các địa phương của Lào còn có sự khác biệt đáng kể do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy mô nền kinh tế, trình độ phát triển hạ tầng và năng lực quản lý không đồng đều. Đối với các tỉnh miền núi, biên giới, việc thực hiện các mục tiêu cải cách quản lý thuế còn gặp nhiều khó khăn hơn so với các địa phương phát triển.

Tỉnh Hủa Phăn là một tỉnh miền núi, biên giới nằm ở phía Đông Bắc của Lào, có địa hình phức tạp, dân cư phân bố không tập trung, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, quy mô nền kinh tế nhỏ và hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh và kinh tế cá thể. Hoạt động thương mại biên giới, kinh doanh nhỏ lẻ và các giao dịch tiền mặt vẫn chiếm tỷ trọng lớn, trong khi mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng tiếp cận các dịch vụ thuế điện tử của người nộp thuế còn chưa đồng đều. Những đặc điểm này làm gia tăng chi phí quản lý, gây khó khăn cho việc quản lý đầy đủ đối tượng nộp thuế, kiểm soát nghĩa vụ thuế và nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

Thực tiễn quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn thời gian qua cho thấy, mặc dù Cục Thuế tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác quản lý thuế, song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Công tác quản lý người nộp thuế chưa bao quát đầy đủ các nguồn thu; tỷ lệ sử dụng các dịch vụ thuế điện tử chưa cao; công tác phân tích rủi ro phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế còn hạn chế; tình trạng nợ thuế và chậm thực hiện nghĩa vụ thuế vẫn xảy ra ở một bộ phận người nộp thuế; chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý

thuế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hiện đại hóa ngành Thuế. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế và khả năng huy động nguồn thu ngân sách nhà nước mà còn làm giảm hiệu quả thực hiện các mục tiêu cải cách quản lý thuế của Lào trong giai đoạn hiện nay.

Quản lý thuế đã được nhiều học giả trong và ngoài nước nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau như cải cách quản lý thuế, quản lý thuế theo chức năng, quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, hiện đại hóa cơ quan thuế hoặc quản lý thuế đối với từng nhóm người nộp thuế. Các nghiên cứu này đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách và quản lý thuế. Tuy nhiên, qua tổng quan các tài liệu mà tác giả tiếp cận cho thấy, các nghiên cứu chủ yếu tập trung ở cấp quốc gia hoặc tại một số địa phương của Việt Nam và các quốc gia khác; các nghiên cứu về quản lý thuế tại Lào còn tương đối hạn chế, đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về quản lý thuế ở tỉnh Hủa Phăn trên cơ sở tiếp cận quản lý thuế theo các chức năng quản lý của cơ quan thuế cấp tỉnh, kết hợp giữa phân tích số liệu thực tiễn và khảo sát ý kiến của cán bộ thuế và người nộp thuế để đánh giá toàn diện hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh cải cách quản lý thuế và chuyển đổi số. Khoảng trống nghiên cứu nêu trên cho thấy vẫn còn thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn để đánh giá đầy đủ thực trạng quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, xác định những nguyên nhân của các hạn chế trong quản lý thuế cũng như đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và định hướng cải cách quản lý thuế của Lào trong thời gian tới.

Xuất phát từ những yêu cầu của thực tiễn quản lý thuế và khoảng trống trong nghiên cứu khoa học, tác giả lựa chọn đề tài ***"Quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào"*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ kinh tế. Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về quản lý thuế ở cấp tỉnh trong điều kiện của Lào mà còn cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện công tác quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, đồng thời có giá trị tham khảo đối với các địa phương khác của Lào có điều kiện phát triển tương đồng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Mục tiêu tổng quát

Nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện QLT tại tỉnh Hủa Phăn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2035.

- *Các mục tiêu cụ thể*

Thứ nhất, hệ thống hóa và phát triển, hoàn thiện các vấn đề lý luận về QLT để làm luận cứ cho việc đánh giá thực trạng QLT hiện nay tại Hủa Phăn. Phân tích kinh nghiệm QLT của một số tỉnh ở một số nước trong khu vực và ở Lào từ đó rút ra bài học cho công tác QLT cho tỉnh Hủa Phăn;

Thứ hai, phân tích, và đánh giá thực trạng QLT tại tỉnh Hủa Phăn trong thời gian qua; làm rõ những kết quả đạt được, các hạn chế và nguyên nhân;

Thứ ba, đề xuất các định hướng và giải pháp QLT tại tỉnh Hủa Phăn trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về QLT tại CQT cấp tỉnh, bao gồm các hoạt động nghiệp vụ quản lý thuế đối với các nhóm NNT chủ yếu trên địa bàn tỉnh Hủa Phăn (doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân).

Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi về nội dung nghiên cứu: Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả không nghiên cứu toàn bộ các nội dung quản lý thuế theo quy định của pháp luật mà tập trung vào nội dung quản lý thuế cốt lõi gồm: Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Đăng ký thuế; Kê khai và nộp thuế; Quản lý nợ thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế. Việc lựa chọn các nội dung này xuất phát từ ba cơ sở: (i) Phù hợp với mục tiêu nghiên cứu về quản lý thuế của cơ quan thuế cấp tỉnh; (ii) Phản ánh đầy đủ chu trình quản lý người nộp thuế từ hỗ trợ, giám sát đến kiểm soát tuân thủ và hiện đại hóa quản lý; (iii) Đây là các nội dung được thực hiện thường xuyên, có tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý thuế và có đầy đủ cơ sở dữ liệu để phân tích tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn. Luận án không nghiên cứu hoạt động quản lý thuế của cơ quan Hải quan và không nghiên cứu về quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế và tổ chức bộ máy cơ quan Thuế ở cấp vĩ mô.

+ Phạm vi về không gian: Địa bàn tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Phạm vi về thời gian*:* Số liệu thực trạng được thu thập và phân tích trong giai đoạn 2020 - 2025 nhằm đảm bảo tính cập nhật và phản ánh kịp thời những diễn biến mới nhất trong công tác quản lý thuế tại địa phương. Các giải pháp được đề xuất có định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu của luận án và khoảng trống của đề tài nghiên cứu được tổng quan, luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Quản lý thuế là gì? Quản lý thuế ở CQT cấp tỉnh bao gồm những nội dung cơ bản nào và cần được đánh giá bằng hệ thống chỉ tiêu nào?
2. Nội dung quản lý thuế nào là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của một tỉnh miền núi, biên giới như Hủa Phăn? Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn có thể học hỏi được những bài học kinh nghiệm gì từ các địa phương tương đồng trong khu vực?
3. Thực trạng quản lý thuế tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn trong giai đoạn 2020 -2025 diễn ra như thế nào? Những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế là gì?
4. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh Hủa Phăn những năm tới, cần có những giải pháp và kiến nghị gì để hoàn thiện công tác quản lý thuế, hướng tới mục tiêu hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả quản lý đến năm 2030, tầm nhìn năm 2035?

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

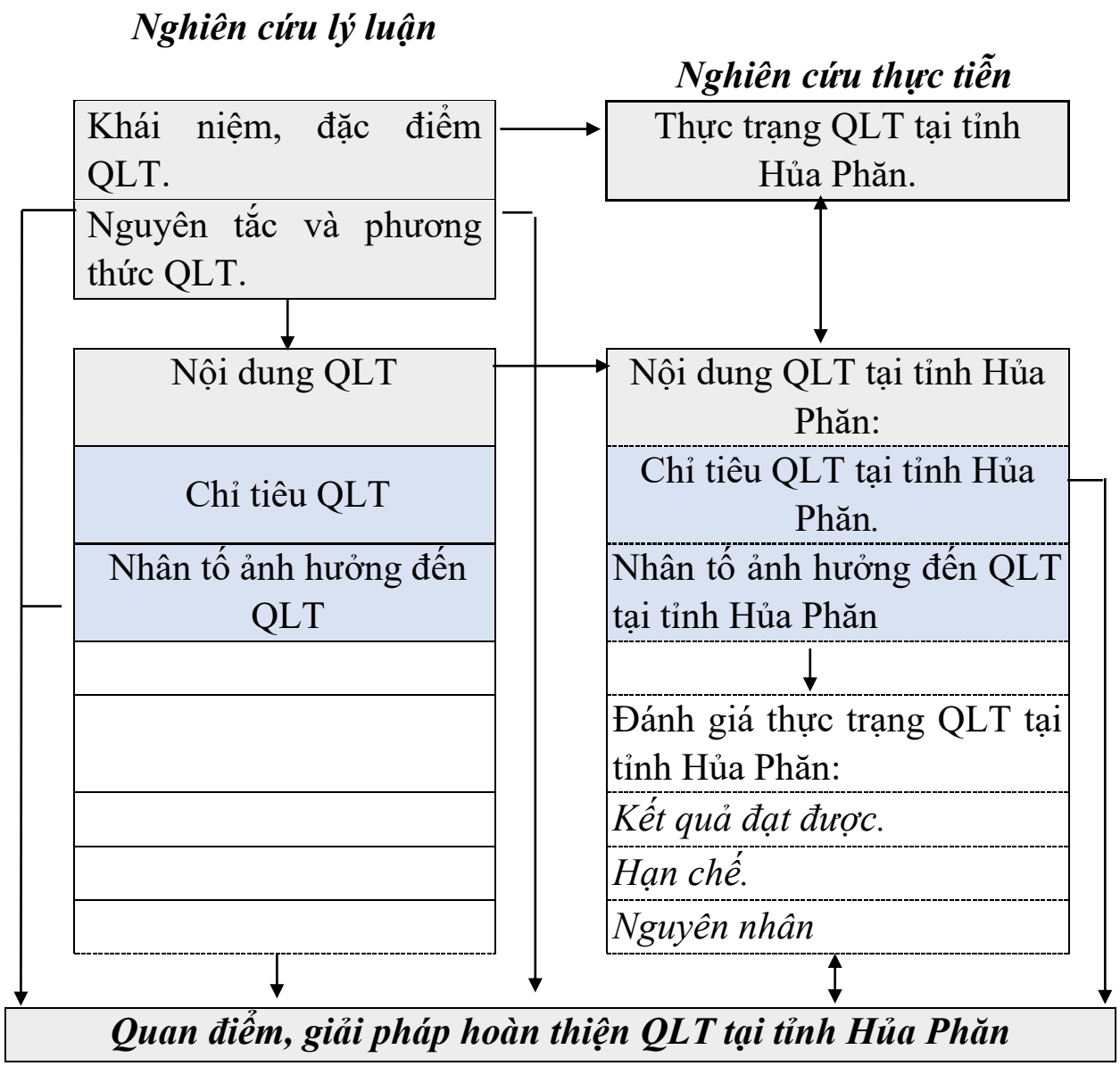
Luận án được thực hiện theo phương pháp tiếp cận nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Quy trình nghiên cứu được thực hiện tuần tự theo ba bước chính (Hình 1.1):

Bước 1 - Nghiên cứu lý luận: Thực hiện tổng quan, hệ thống hóa và phát triển các vấn đề lý luận về quản lý thuế, từ khái niệm, nguyên tắc, nội dung, đến các chỉ tiêu đánh giá và nhân tố ảnh hưởng. Đồng thời, nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm quản lý thuế tại một số địa phương trong khu vực để rút ra bài học cho tỉnh Hủa Phăn.

Bước 2 - Nghiên cứu thực tiễn: Thu thập và phân tích số liệu thứ cấp về tình hình kinh tế - xã hội, kết quả quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2025. Song song, tiến hành khảo sát thực địa bằng bảng hỏi để thu thập dữ liệu sơ cấp từ cán bộ thuế và NNT trong toàn tỉnh nhằm đánh giá một cách đa chiều về thực trạng quản lý thuế.

Bước 3 - Đề xuất giải pháp: Trên cơ sở kết quả hệ thống hoá những vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng, luận án định hướng các quan điểm và đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi để hoàn thiện công tác quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

Sơ đồ khung phương pháp tiếp cận nghiên cứu được khái quát cụ thể như sau (Hình 1.1).



Hình MĐ.1. Khung phương pháp tiếp cận nghiên cứu luận án

5.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

5.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận (Phương pháp định tính)

Nhóm phương pháp này được sử dụng để giải quyết các mục tiêu về hệ thống hóa lý luận và tổng kết kinh nghiệm.

Phương pháp tổng hợp, phân tích và hệ thống hóa tài liệu: Được áp dụng xuyên suốt, đặc biệt ở Chương 1 và Chương 2. Tác giả thu thập, đọc hiểu, phân loại, so sánh và tổng hợp một khối lượng lớn tài liệu thứ cấp từ các nguồn: sách giáo trình, luận án, bài báo khoa học trong nước (Lào, Việt Nam) và quốc tế; các báo cáo của các tổ chức như IMF, ADB, OECD; các văn bản pháp luật về thuế của Lào và Việt Nam. Mục đích là để xây dựng cơ sở lý luận vững chắc, xác định khoảng trống nghiên cứu và rút ra bài học kinh nghiệm.

Phương pháp so sánh, đối chiếu: Được sử dụng để phân tích kinh nghiệm quản lý thuế của các tỉnh trong khu vực. Tác giả so sánh điểm tương đồng và khác biệt về điều kiện, cách làm, kết quả giữa các địa phương, từ đó chắt lọc những bài học phù hợp với bối cảnh đặc thù của Hủa Phăn.

Phương pháp khái quát hóa, quy nạp và diễn dịch: Được sử dụng để từ các hiện tượng, số liệu, kinh nghiệm cụ thể rút ra các kết luận, nguyên lý chung (quy nạp), và ngược lại, vận dụng các nguyên lý chung để phân tích tình hình cụ thể (diễn dịch).

5.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Nhóm phương pháp này được sử dụng để thu thập và phân tích dữ liệu nhằm đánh giá thực trạng tại tỉnh Hủa Phăn.

5.2.2.1. Phương pháp thống kê, mô tả và phân tích số liệu thứ cấp

Tác giả thu thập số liệu thống kê hàng năm (từ năm 2020 đến 2025) từ Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn, Cục Thống kê tỉnh, Báo cáo của Bộ Tài chính Lào. Các số liệu về tổng thu ngân sách, cơ cấu thu, số lượng NNT, tỷ lệ nộp đúng hạn, nợ thuế... được hệ thống hóa trong các bảng biểu, đồ thị và phân tích xu hướng, cơ cấu, mối tương quan để đánh giá định lượng về hiệu quả quản lý thuế.

5.2.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi (khảo sát)

Đây là phương pháp chủ đạo để thu thập dữ liệu sơ cấp, nhằm đánh giá các khía cạnh định tính như mức độ hài lòng, nhận thức, đánh giá của các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý thuế.

a) Thiết kế bảng hỏi

Hai bộ câu hỏi được thiết kế riêng biệt cho hai nhóm đối tượng:

Dành cho cán bộ thuế: Gồm các câu hỏi đánh giá về tính phù hợp của cơ cấu tổ chức, chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả của các quy trình nghiệp vụ, những khó khăn vướng mắc trong công tác. Thang đo Likert 5 mức được sử dụng (1 = Rất không phù hợp/Rất không đồng ý đến 5 = Rất phù hợp/Rất đồng ý) (Phụ lục 1).

Dành cho NNT: Gồm các câu hỏi đánh giá mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của CQT (tuyên truyền, giải đáp thắc mắc), tính thuận tiện của thủ tục hành chính thuế (đăng ký, kê khai, nộp thuế), nhận thức về tính công bằng và minh bạch của hệ thống thuế. Thang đo Likert 5 mức được sử dụng (1 = Rất không hài lòng/Rất không đồng ý đến 5 = Rất hài lòng/Rất đồng ý) (Phụ lục 2).

b) Thời điểm và địa bàn điều tra

Cuộc khảo sát được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2025 tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn và các Chi cục Thuế trực thuộc.

c) Quy mô và phương pháp chọn mẫu

Đối với cán bộ thuế: Áp dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích, bao gồm lãnh đạo Cục Thuế, Trưởng/phó các phòng chuyên môn, cán bộ trực tiếp tham gia các khâu nghiệp vụ quản lý thuế tại Cục Thuế tỉnh và 6 cán bộ thuế ở 6 Chi cục Thuế huyện. Quy mô mẫu là 30 cán bộ, đảm bảo bao phủ đầy đủ các khâu trong quy trình QLT (từ tuyên truyền - hỗ trợ, kê khai - kế toán, quản lý nợ, thanh tra - kiểm tra đến lãnh đạo các cấp). Số lượng mẫu này phản ánh được ý kiến của lực lượng cán bộ nòng cốt, có kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về thực tiễn công tác QLT tại địa phương (tổng số cán bộ toàn Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn hiện nay là 63 người, trong đó cán bộ làm việc tại Cục là 24 người). Phương pháp chọn mẫu có chủ đích này đảm bảo thu thập được các đánh giá chất lượng từ những người có hiểu biết sâu và trách nhiệm trực tiếp, thay vì khảo sát dàn trải và thiếu trọng tâm.

Đối với NNT*:* Áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng ngẫu nhiên để đảm bảo tính đại diện. Tổng thể được phân thành các tầng dựa trên: (1) loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhỏ, vừa, hộ cá thể); (2) ngành nghề kinh doanh chính. Sau đó, mẫu được chọn ngẫu nhiên từ mỗi tầng. Quy mô mẫu là 120 NNT. Cỡ mẫu này được xác định dựa trên công thức ước lượng tỷ lệ với độ tin cậy 95% và sai số cho phép khoảng ±9%, phù hợp với điều kiện nghiên cứu thực tế tại địa bàn.

d) Phân tích độ tin cậy của dữ liệu khảo sát

Để đảm bảo tính tin cậy của kết quả khảo sát, tác giả đã thực hiện các bước kiểm soát sau:

Đối với các nhóm câu hỏi sử dụng thang đo Likert, tác giả tiến hành kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều có hệ số Alpha > 0,7, đạt yêu cầu về độ tin cậy để phân tích.

Quy trình nhập và làm sạch dữ liệu được thực hiện cẩn thận để loại bỏ các phiếu trả lời không hợp lệ (thiếu thông tin, trả lời thiếu nhất quán). Sau khi làm sạch, toàn bộ 30 phiếu cán bộ và 120 phiếu NNT đều được xác nhận hợp lệ và đưa vào phân tích.

Tác giả cũng nhận thức được hạn chế về quy mô mẫu khảo sát cán bộ thuế (30 người) do đặc thù của địa bàn nghiên cứu với quy mô nhỏ. Để khắc

phục, tác giả đã kết hợp chặt chẽ kết quả khảo sát với số liệu thống kê thứ cấp đầy đủ và các tài liệu, báo cáo chính thống của Cục Thuế để đảm bảo tính khách quan và toàn diện cho các đánh giá trong luận án.

e) Phương pháp xử lý số liệu khảo sát

Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch, mã hóa và nhập liệu. Phần mềm SPSS 26.0 và Microsoft Excel được sử dụng để phân tích:

Thống kê mô tả*:* Tính toán tần số, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (Standard Deviation) để mô tả đặc điểm mẫu và phân bố các ý kiến đánh giá.

Thống kê suy luận: Sử dụng các phép kiểm định như Kiểm định T-test (One-sample T-test) để so sánh giá trị trung bình đánh giá với một mức giá trị giả định trung bình (ví dụ: mức 3 - Trung bình); Phân tích phương sai một nhân tố (One-way ANOVA) để so sánh sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm NNT khác nhau (ví dụ: giữa doanh nghiệp nhỏ và hộ cá thể).

5.2.2.3. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của Cục Thuế, Cục Thống kê và các cơ quan liên quan, sau đó được tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu tài chính (tỷ lệ hoàn thành dự toán, tỷ lệ nợ thuế, tỷ trọng các sắc thuế...) bằng Microsoft Excel. Kết quả được trình bày dưới dạng bảng biểu và biểu đồ, phân tích xu hướng biến động qua các năm.

5.2.2.4. Phương pháp tổng hợp, phân tích và đánh giá

Trên cơ sở kết quả phân tích định lượng (từ số liệu thống kê và khảo sát) và định tính (từ tổng hợp tài liệu), tác giả tổng hợp, đối chiếu với khung lý luận và bài học kinh nghiệm để đưa ra những đánh giá toàn diện, khách quan về thực trạng, chỉ ra những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân một cách có căn cứ. Kết quả khảo sát được sử dụng làm minh chứng quan trọng trong các đánh giá về nguyên nhân của hạn chế và các nội dung phân tích thực trạng giúp làm rõ những nhận định từ góc nhìn của cán bộ thuế và NNT.

6. Đóng góp mới của luận án

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu toàn diện, luận án không chỉ giải quyết các mục tiêu đặt ra mà còn tạo ra những đóng góp có giá trị, được phân thành hai nhóm chính: đóng góp về mặt khoa học (lý luận, phương pháp) và đóng góp về mặt thực tiễn.

6.1. Những đóng góp về mặt khoa học

Thứ nhất, luận án đã làm rõ và bổ sung cơ sở lý luận về quản lý thuế của cơ quan thuế cấp tỉnh trong điều kiện của một nền kinh tế đang phát triển và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù.

Thứ hai, luận án xây dựng khung đánh giá hiệu quả quản lý thuế của cơ quan thuế cấp tỉnh theo hướng kết hợp giữa các chỉ tiêu phản ánh kết quả quản lý với các chỉ tiêu phản ánh chất lượng thực thi quản lý thuế.

Thứ ba, luận án làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế tại cơ quan thuế cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số và cải cách quản lý thuế ở Lào.

6.2. Những đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, luận án cung cấp bức tranh toàn diện về thực trạng quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn trong giai đoạn 2020-2025 trên cơ sở kết hợp dữ liệu thống kê và kết quả khảo sát thực tiễn.

Thứ hai, luận án cung cấp các bằng chứng thực tiễn về những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quản lý thuế thông qua kết quả khảo sát đối với cán bộ thuế và người nộp thuế.

Thứ ba, luận án đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn theo hướng hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển của Lào và xu hướng cải cách quản lý thuế quốc tế.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án có kết cấu gồm bốn chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Lý luận và kinh nghiệm về quản lý thuế của cơ quan thuế

Chương 3: Thực trạng quản lý thuế ở tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Nghiên cứu chung về quản lý thuế

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ cơ sở lý luận, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế, đồng thời khẳng định xu hướng cải cách theo hướng hiện đại, quản lý rủi ro và chuyển đổi số. Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế trong việc tăng cường hiệu quả quản lý và huy động nguồn thu ngân sách.

1.1.2. Nghiên cứu về các nội dung cụ thể của quản lý thuế

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ các nội dung trọng tâm của quản lý thuế như thanh tra, kiểm tra, quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời khẳng định đây là những yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế và hạn chế thất thu ngân sách. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn của các địa phương, đặc biệt ở khu vực miền núi, về hạ tầng công nghệ, chất lượng dữ liệu và năng lực cán bộ thuế.

1.1.3. Nghiên cứu về quản lý thuế ở cơ quan thuế cấp tỉnh

Các nghiên cứu về quản lý thuế ở cấp tỉnh đã làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với các sắc thuế và nhóm người nộp thuế khác nhau. Các công trình đều nhấn mạnh vai trò của quản lý rủi ro, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

1.2 NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Những kết quả của các công trình nghiên cứu

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận về quản lý thuế và cải cách quản lý thuế.

Thứ hai, các nghiên cứu đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học về hiện đại hóa quản lý thuế.

Thứ ba, nhiều nghiên cứu đã đánh giá thực trạng quản lý thuế trên các phạm vi và đối tượng khác nhau.

Thứ tư, các nghiên cứu đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

1.2.2. Những vấn đề chưa rõ, chưa thống nhất

Thứ nhất, các nghiên cứu về quản lý thuế tại Lào còn tương đối ít, đặc biệt chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu tiếp cận quản lý thuế theo từng nội dung hoặc từng lĩnh vực riêng biệt.

Thứ ba, hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả quản lý thuế trong các nghiên cứu trước chưa phản ánh đầy đủ chất lượng quản lý thuế ở cấp địa phương.

Thứ tư, nhiều nghiên cứu được thực hiện trước khi chuyển đổi số được triển khai mạnh trong lĩnh vực quản lý thuế tại Lào.

Thứ năm, đa số các công trình chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp hoặc khảo sát đối với một nhóm đối tượng nghiên cứu.

1.2.3. Khoảng trống nghiên cứu

*Thứ nhất***,** các nghiên cứu về quản lý thuế tại Lào còn tương đối hạn chế, đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn. *Thứ hai,* còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận quản lý thuế theo toàn bộ các chức năng quản lý của cơ quan thuế cấp tỉnh; *Thứ ba,* các nghiên cứu chưa chú trọng kết hợp giữa các chỉ tiêu phản ánh kết quả quản lý với các chỉ tiêu phản ánh chất lượng cung cấp dịch vụ thuế, mức độ tuân thủ của người nộp thuế và năng lực thực thi của cơ quan thuế.; *Thứ tư,* các nghiên cứu chưa phân tích đầy đủ tác động của ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý thuế điện tử, quản lý rủi ro và cải cách thủ tục hành chính thuế đối với hiệu quả quản lý thuế ở cấp tỉnh; *Thứ năm***,** còn ít nghiên cứu kết hợp giữa số liệu thống kê với kết quả khảo sát trực tiếp đối với cán bộ thuế và người nộp thuế nhằm đánh giá khách quan chất lượng quản lý thuế và xác định nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý thuế.

Từ những khoảng trống nghiên cứu nêu trên cho thấy, việc nghiên cứu đề tài ***"Quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào"*** là cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn.

1.2.4 Định hướng nghiên cứu của luận án

Từ các khoảng trống nghiên cứu đã xác định, luận án có ba định hướng nghiên cứu chính:

(i) Về lý luận: Hệ thống hóa và làm rõ thêm các vấn đề lý luận về QLT tại CQT cấp tỉnh;

(ii) Về thực tiễn: Phân tích, đánh giá thực trạng QLT tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2025 dựa trên số liệu thống kê sơ cấp và kết quả khảo sát thực tế, chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

(iii) Về giải pháp: Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp đồng bộ, khả thi để hoàn thiện công tác QLT tại tỉnh Hủa Phăn đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

Chương 2
LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THUẾ

2.1.1. Khái niệm về thuế

Thuế là một công cụ tài chính quan trọng của Nhà nước, thông qua đó Nhà nước thực hiện việc động viên một phần thu nhập, tài sản của các chủ thể trong xã hội một cách bắt buộc, không hoàn trả trực tiếp theo quy định của pháp luật, nhằm tạo lập nguồn tài chính để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình**.**

2.1.2 Đặc điểm của thuế

Thuế có ba đặc điểm cơ bản: (i) là khoản nộp bắt buộc do pháp luật quy định; (ii) không mang tính hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế; và (iii) mang tính quyền lực nhà nước, được sử dụng để huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước và điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội.

2.1.3. Vai trò của thuế

Thuế có vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn thu chủ yếu cho ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực tài chính để Nhà nước thực hiện các chức năng quản lý, cung cấp dịch vụ công và bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, thuế là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua việc tác động đến sản xuất, tiêu dùng, đầu tư và phân phối thu nhập, góp phần ổn định kinh tế vĩ

mô, khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia..

2.2. LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm

Quản lý thuế được tiếp cận là quá trình tổ chức, điều hành và kiểm soát việc thực hiện pháp luật thuế của cơ quan thuế cấp tỉnh thông qua việc thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý thuế, kết hợp giữa quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ số, nhằm bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước, nâng cao mức độ tuân thủ của người nộp thuế và hiệu quả quản lý của cơ quan thuế..

2.2.2. Nguyên tắc quản lý thuế

Bao gồm: (i) Tuân thủ pháp luật; (ii) Hiệu quả ; (iii) Thúc đẩy ý thức tự tuân thủ của người nộp thuế; (iv) Công khai, minh bạch; (v) Tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

2.2.3. Nội dung quản lý thuế ở cơ quan thuế cấp tính

Thứ nhất, quản lý đăng ký thuế và quản lý thông tin người nộp thuế. Thứ hai, quản lý kê khai và nộp thuế; Thứ bam, quản lý hoàn thuế; Thứ tư, tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Thứ năm, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; Thứ sáu, thanh tra, kiểm tra thuế.

2.3. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUẢN LÝ THUẾ

2.3.1. Các chỉ tiêu định tính

Bao gồm: (1)Mức độ bao quát người nộp thuế; (2) Mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế; (3) Tính minh bạch và công bằng trong quản lý thuế; (4) Mức độ hiện đại hóa quản lý thuế; (5) Chất lượng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ người nộp thuế; (6) Hiệu lực và hiệu quả thực thi của cơ quan thuế; (7) Mức độ hài lòng của người nộp thuế..

2.3.2. Các chỉ tiêu định lượng

Bao gồm**:** (1) Tỷ lệ đăng ký thuế đúng hạn; (2) Tỷ lệ tờ khai thuế nộp đúng hạn; (3) Tỷ lệ người nộp thuế thực hiện kê khai và giao dịch thuế điện tử; (4) Tỷ lệ nợ thuế trên tổng số thu; (5) Tỷ lệ nợ thuế được thu hồi trong kỳ; (6) Số thuế truy thu, truy hoàn bình quân một cuộc thanh tra, kiểm tra; (7) Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra; (8) Tỷ lệ người nộp thuế tiếp cận và sử dụng dịch vụ hỗ trợ; (9) Tỷ lệ hoàn thành dự toán thu ngân sách.

2.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ THUẾ Ở CƠ QUAN THUẾ CẤP TỈNH

2.4.1. Các nhân tố khách quan

2.4.2. Các nhân tố chủ quan

2.5. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ THUẾ Ở MỘT SỐ TỈNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI TỈNH HỦA PHĂN

Kinh nghiệm của tỉnh Sơn La (Việt Nam), Nakhon Phanom (Thái Lan) và Vân Nam (Trung Quốc) cho thấy hoàn thiện quản lý thuế cần gắn với hiện đại hóa, chuyển đổi số và quản lý rủi ro. Các địa phương đều chú trọng xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đồng bộ, mở rộng dịch vụ thuế điện tử, tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ và thanh tra, kiểm tra dựa trên phân tích rủi ro. Việc phối hợp chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thuế là yếu tố then chốt.

Từ kinh nghiệm của các địa phương trong và ngoài nước, có thể rút ra một số bài học cho tỉnh Hủa Phăn, gồm: Quản lý chặt chẽ người nộp thuế ngay từ khâu đăng ký và xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ; Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các chức năng quản lý thuế; Tăng cường quản lý nợ thuế theo phương pháp quản lý rủi ro; Đổi mới công tác tuyên truyền, hỗ trợ nhằm nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế; Thực hiện thanh tra, kiểm tra trên cơ sở phân tích dữ liệu, lựa chọn đúng đối tượng để nâng cao hiệu quả quản lý.

Chương 3
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ Ở TỈNH HỦA PHĂN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

3.1. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH HỦA PHĂN, LÀO VÀ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ

3.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội tỉnh Hủa Phăn, Lào

Giai đoạn 2020-2025, kinh tế tỉnh Hủa Phăn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, GRDP tăng từ 5.928,98 tỷ Kip lên 8.895,00 tỷ Kip, GRDP bình quân đầu người không ngừng cải thiện và cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Hủa

Phăn vẫn là tỉnh miền núi với quy mô kinh tế còn nhỏ, tỷ trọng nông nghiệp còn cao, doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể, hạ tầng và trình độ ứng dụng công nghệ còn hạn chế.

3.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế ở tỉnh Hủa Phăn

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hủa Phăn với quy mô kinh tế còn nhỏ, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng lớn. Các lĩnh vực hoạt động tập trung vào nông, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, xây dựng và chế biến nông, lâm sản. Trình độ quản trị, năng lực tài chính và ứng dụng công nghệ của nhiều doanh nghiệp chưa cao, việc chấp hành pháp luật thuế chưa đồng đều.

3.1.3. Thuận lợi, khó khăn trong quản lý thuế ở tỉnh Hủa Phăn- Lào

3.1.3.1. Thuận lợi

Công tác quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn có nhiều thuận lợi nhờ kinh tế duy trì tăng trưởng khá, quy mô GRDP và số lượng người nộp thuế tăng, tạo điều kiện mở rộng cơ sở thuế và tăng nguồn thu ngân sách. Hệ thống pháp luật về quản lý thuế của Lào ngày càng hoàn thiện, cùng với việc đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng hệ thống TaxRIS và các dịch vụ thuế điện tử đã nâng cao hiệu quả quản lý. Tổ chức bộ máy và chất lượng đội ngũ công chức thuế từng bước được kiện toàn, đồng thời sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền và sự phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan liên quan đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế trên địa bàn

3.1.3.2. Khó khăn

Do đặc điểm là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, giao thông khó khăn và hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, tỷ trọng nông nghiệp cao, người nộp thuế chủ yếu là hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa với năng lực quản trị, kế toán và mức độ tuân thủ pháp luật thuế còn hạn chế. Nguồn nhân lực của cơ quan thuế còn mỏng, ứng dụng công nghệ số và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan liên quan chưa đồng bộ, trong khi sự phát triển của thương mại điện tử và các phương thức kinh doanh mới đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý thuế và phòng chống thất thu ngân sách

3.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ THU NSNN VÀ CỤC THUẾ TỈNH HỦA PHĂN

3.2.1. Kết quả thu Ngân sách của Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn

Giai đoạn 2020-2025, công tác thu ngân sách nhà nước của Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn đạt nhiều kết quả tích cực. Số thu ngân sách tăng từ 96.057 tỷ Kip năm 2020 lên 210.000 tỷ Kip năm 2025, tăng khoảng 118,6%, phản ánh sự mở rộng cơ sở thuế và hiệu quả quản lý thuế được nâng cao. Trong toàn bộ giai đoạn, Cục Thuế đều hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách, với tỷ lệ hoàn thành đạt từ 103,9% đến 178,3%. Tuy nhiên, mức chênh lệch khá lớn giữa dự toán và số thu thực hiện ở một số năm cho thấy công tác dự báo và xây dựng dự toán cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm bảo đảm sát với tiềm năng nguồn thu và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

3.2.2. Khái quát Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn

Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn được tổ chức theo mô hình quản lý thống nhất, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thuế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật Lào. Bộ máy gồm Ban Lãnh đạo Cục Thuế và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ phụ trách các lĩnh vực như đăng ký, kê khai, kế toán thuế, quản lý nợ, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế và hành chính - tổng hợp. Cục Thuế quản lý các đơn vị thuế cấp huyện nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ các chính sách và quy trình quản lý thuế trên toàn địa bàn. Cơ cấu tổ chức được xây dựng theo hướng chuyên môn hóa, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế và đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành Thuế.

3.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH HỦA PHĂN, CHDCND LÀO

3.3.1. Quản lý đăng ký thuế và quản lý thông tin người nộp thuế

Giai đoạn 2020-2025, công tác đăng ký thuế tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn đạt nhiều kết quả tích cực. Số lượng người nộp thuế tăng từ 8.615 lên 14.850, tạo điều kiện mở rộng cơ sở thuế và nguồn thu ngân sách. Tỷ lệ đăng ký trên hệ thống TaxRIS tăng từ 19,3% lên 64,0%, trong khi tỷ lệ đăng ký đúng hạn tăng từ 52,5% lên 79,0%. Cục Thuế cũng từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu người nộp thuế, phục vụ quản lý kê khai, nộp thuế, thanh tra, kiểm tra và quản lý rủi ro.

3.3.2. Quản lý kê khai và nộp thuế

Số người nộp thuế thực hiện kê khai tăng từ 8.536 lên 14.650 đơn vị, với tỷ lệ kê khai đạt khoảng 98,7% vào năm 2025. Tỷ lệ kê khai đúng hạn và số lượng hồ sơ kê khai điện tử đều tăng qua các năm. Tỷ lệ doanh nghiệp được quản lý trên hệ thống TaxRIS đạt 98,5%. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ kê khai chậm, chưa thực hiện đầy đủ kê khai điện tử và chế độ kế toán.

Số thu ngân sách tăng từ 96.057 tỷ Kip năm 2020 lên 210.000 tỷ Kip năm 2025 và hằng năm đều vượt dự toán, phản ánh hiệu quả trong quản lý nguồn thu và tổ chức thu nộp thuế.

3.3.3. Quản lý hoàn thuế

Trong giai đoạn 2020-2025 số hồ sơ đề nghị hoàn thuế tăng từ 581 lên 950 hồ sơ, trong đó tỷ lệ hồ sơ đủ điều kiện hoàn luôn duy trì trên 80%. Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ từng bước được hiện đại hóa, góp phần rút ngắn thời gian xử lý.

3.3.4. Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Nợ thuế tăng trong giai đoạn 2021-2023 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, khó khăn sản xuất kinh doanh và biến động kinh tế, sau đó giảm rõ rệt vào năm 2025. Cơ quan thuế đã tăng cường phân loại nợ, giao chỉ tiêu thu nợ, gửi thông báo, áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định và theo dõi chặt chẽ tình hình nợ thuế. Hiệu quả thu hồi nợ từng bước được nâng cao, góp phần hạn chế thất thu ngân sách và nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế. Nợ thuế của doanh nghiệp ngoài quốc doanh vẫn chiếm tỷ trọng lớn.

3.3.5. Thanh tra, kiểm tra người nộp thuế

Cơ quan thuế đã thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế qua đó phát hiện, xử lý các trường hợp kê khai sai, thiếu nghĩa vụ thuế và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. Hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn còn hạn chế do nguồn nhân lực chuyên trách còn mỏng, trình độ nghiệp vụ chưa đồng đều, việc ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro chưa phát triển mạnh. Việc lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra chủ yếu vẫn dựa trên kinh nghiệm quản lý, chưa hoàn toàn dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro hiện đại. Do địa bàn rộng, điều kiện giao thông khó

khăn và quy mô doanh nghiệp nhỏ cũng ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại tỉnh Hủa Phăn.

3.3.6. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2025 có nhiều hình thức hỗ trợ ngày càng đa dạng và ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh. Hoạt động phổ biến chính sách, tập huấn, đối thoại và cung cấp văn bản pháp luật được mở rộng, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ của người nộp thuế. Các kênh hỗ trợ trực tuyến như Zalo, Fanpage và giải đáp trực tuyến được sử dụng ngày càng hiệu quả, giúp giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục thuế. Một số hình thức hỗ trợ trực tiếp và thông báo bằng văn bản còn biến động giữa các năm.

3.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ Ở TỈNH HỦA PHĂN, CHDCND LÀO GIAI ĐOẠN 2020 -2025

3.4.1. Kết quả đạt được

Công tác đăng ký thuế được cải thiện rõ rệt với tỷ lệ đăng ký trên hệ thống TaxRIS tăng từ 19,3% lên 64,0% và tỷ lệ đăng ký đúng hạn đạt 79,0% vào năm 2025. Số thu ngân sách tăng từ 96.057 tỷ Kip lên 210.000 tỷ Kip, tỷ lệ hoàn thành dự toán hằng năm đều vượt 100%, đồng thời tỷ lệ kê khai điện tử và kê khai đúng hạn không ngừng tăng. Công tác hoàn thuế được cải thiện với trên 80% hồ sơ đủ điều kiện hoàn và thời gian giải quyết được rút ngắn. Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế ngày càng đa dạng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và mở rộng các kênh hỗ trợ trực tuyến. Công tác quản lý nợ thuế góp phần giảm nợ thuế từ năm 2024 và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ. Thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện theo phương pháp quản lý rủi ro, luôn hoàn thành vượt kế hoạch.

3.4.2. Hạn chế

Tỷ lệ đăng ký và kê khai thuế điện tử còn thấp, đặc biệt đối với hộ kinh doanh và cá nhân ở vùng sâu, vùng xa; cơ sở dữ liệu người nộp thuế chưa được cập nhật và kết nối đồng bộ với các cơ quan liên quan. Chất lượng lập dự toán thu chưa sát thực tế khi tỷ lệ hoàn thành dự toán vượt quá cao, trong khi vẫn còn nhiều trường hợp kê khai, nộp thuế và hoàn thuế chậm hoặc hồ

sơ hoàn thuế chưa đáp ứng đầy đủ quy định. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ chưa bao phủ hiệu quả đến tất cả các nhóm người nộp thuế, nhất là khu vực nông thôn. Nợ thuế tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2023, việc cưỡng chế và phối hợp thu hồi nợ còn hạn chế. Hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn thiếu công cụ phân tích rủi ro hiện đại, nguồn nhân lực còn mỏng, việc lựa chọn đối tượng kiểm tra chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên hiệu quả chưa cao. Những hạn chế này cho thấy yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, nâng cao năng lực quản lý rủi ro và chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

3.4.3.1 Nguyên nhân chủ quan

Bao gồm: (1) Năng lực quản lý, điều hành của cơ quan thuế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của quá trình cải cách và hiện đại hóa quản lý thuế.(ii) Chất lượng nguồn nhân lực của cơ quan thuế vẫn còn những hạn chế nhất định. (iii) Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế nhưng chưa thực sự đồng bộ và hiện đại. (iv) Tổ chức bộ máy và quy trình quản lý thuế vẫn còn một số bất cập.(v) Công tác kiểm tra nội bộ và giám sát việc thực thi công vụ vẫn cần tiếp tục được tăng cường.

3.4.3.2 Nguyên nhân khách quan

Bao gồm: (1) Môi trường kinh tế - xã hội của tỉnh Hủa Phăn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý thuế.(2) Hệ thống chính sách và pháp luật thuế của Lào trong giai đoạn nghiên cứu vẫn chưa hoàn thiện. (3) Đặc điểm của người nộp thuế với ý thức chấp hành pháp luật còn thấp (4) Mức độ phát triển của hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của quản lý thuế hiện đại.(5) Cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước khác chưa đồng bộ. (6) Hoạt động thương mại điện tử, giao dịch xuyên biên giới và các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số phát triển nhanh hơn khả năng thích ứng của hệ thống quản lý thuế địa phương. (7) Cơ sở dữ liệu của ngành còn hạn chế.

Chương 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ TẠI TỈNH HỦA PHĂN, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

4.1. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH KINH TẾ QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ TỈNH HỦA PHĂN ĐẾN QUẢN LÝ THUẾ TẠI TỈNH

4.1.1. Dự báo bối cảnh kinh tế quốc tế

Bối cảnh kinh tế quốc tế giai đoạn 2026-2030 được dự báo tiếp tục phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ xung đột địa chính trị, biến động thương mại và tài chính toàn cầu. IMF, ADB, OECD và World Bank đều nhận định tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư và chuyển đổi số sẽ tạo điều kiện mở rộng cơ sở thuế và gia tăng nguồn thu ngân sách. Sự phát triển của kinh tế số, thương mại điện tử và các giao dịch xuyên biên giới cũng làm gia tăng nguy cơ thất thu, chuyển giá và xói mòn cơ sở thuế.

4.1.2. Dự báo bối cảnh kinh tế trong nước

Giai đoạn 2026-2030, kinh tế Lào được dự báo tiếp tục phục hồi với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân khoảng 5,5%/năm, lạm phát và tỷ giá từng bước ổn định, tạo điều kiện mở rộng cơ sở thuế và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước. Nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức như nợ công cao, áp lực trả nợ nước ngoài, biến động tỷ giá và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn hạn chế. Quá trình chuyển đổi từ quốc gia kém phát triển (LDC), cùng với sự phát triển của kinh tế số, thương mại điện tử và hội nhập quốc tế, vừa tạo cơ hội mở rộng nguồn thu, vừa đặt ra các thách thức mới.

4.1.3. Dự báo bối cảnh kinh tế ở tỉnh Hủa Phăn

Giai đoạn 2026-2030, tỉnh Hủa Phăn được dự báo duy trì tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và mở rộng hội nhập kinh tế. Quá trình phát triển hạ tầng, đô thị hóa và chuyển đổi số sẽ thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng cũng làm gia tăng tính phức tạp trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp FDI, thương mại điện tử và các giao dịch xuyên biên giới.

4.2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ Ở HỦA PHĂN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Quan điểm đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn

Thứ nhất, hoàn thiện quản lý thuế phải bảo đảm phù hợp với định hướng cải cách hệ thống thuế của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hủa Phăn. Thứ hai, hoàn thiện quản

lý thuế phải lấy người nộp thuế làm trung tâm, nâng cao mức độ tuân thủ tự nguyện trên cơ sở cân bằng giữa hỗ trợ và kiểm soát. Thứ ba, hoàn thiện quản lý thuế phải lấy chuyển đổi số và quản lý thuế theo rủi ro làm nền tảng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Thứ tư, hoàn thiện quản lý thuế phải được thực hiện đồng bộ giữa cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và hiện đại hóa phương thức quản lý. Thứ năm, hoàn thiện quản lý thuế phải bảo đảm tính khả thi, lộ trình thực hiện phù hợp và hướng tới phát triển bền vững đến năm 2035.

4.2.2. Mục tiêu

4.2.2.1 Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống quản lý thuế hiện đại, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả, phù hợp với Chiến lược cải cách thuế của Lào và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quản lý thuế được đổi mới theo hướng lấy người nộp thuế làm trung tâm, dựa trên chuyển đổi số, quản lý rủi ro và cơ sở dữ liệu tập trung, đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

4.2.2.2 Mục tiêu cụ thể

Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý thuế dựa trên dữ liệu và quản lý rủi ro; nâng tỷ lệ đăng ký, kê khai, nộp thuế điện tử và hồ sơ xử lý trực tuyến lên mức cao; kiểm soát nợ thuế, nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra và hoàn thiện cơ sở dữ liệu kết nối liên thông. Đến năm 2035, hướng tới mô hình quản lý thuế thông minh, vận hành trên nền tảng số, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển kinh tế số và phát triển bền vững của tỉnh Hủa Phăn.

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ Ở HỦA PHĂN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.3.1. Hoàn thiện công tác đăng ký và quản lý thông tin người nộp thuế

Theo đó: Cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người nộp thuế theo hướng tập trung, thống nhất và cập nhật thường xuyên. Tăng cường kiểm soát việc đăng ký mới, thay đổi thông tin đăng ký và chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Cơ quan thuế cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý thị trường và các đơn vị liên quan để thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn. Tăng

cường kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin người nộp thuế. Công tác quản lý thông tin người nộp thuế cần gắn với việc nâng cao trách nhiệm của công chức thuế và tăng cường kiểm tra nội bộ.

4.3.2. Tăng cường công tác kê khai, nộp thuế

Tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý kê khai, nộp thuế theo hướng đơn giản, minh bạch, thuận lợi cho người nộp thuế và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm soát chất lượng hồ sơ kê khai trên cơ sở quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả hỗ trợ người nộp thuế. Mở rộng phối hợp với ngân hàng, kho bạc và các tổ chức thanh toán để phát triển các phương thức nộp thuế điện tử. Đồng thời, nâng cao năng lực công chức thuế và tăng cường quản lý đối với các mô hình kinh doanh mới trong nền kinh tế số.

4.3.3. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế

Hoàn thiện quy trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản và thống nhất, gắn với áp dụng quản lý rủi ro. Nâng cao chất lượng thẩm định thông qua khai thác, đối chiếu thông tin từ nhiều nguồn dữ liệu và tăng cường kiểm soát nhằm phòng ngừa gian lận hoàn thuế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ quy trình quản lý hoàn thuế, đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế nhằm bảo đảm việc thực hiện thủ tục hoàn thuế đúng quy định.

4.3.4. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Đổi mới công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế theo hướng lấy người nộp thuế làm trung tâm, đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin và chủ động phòng ngừa sai sót. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển các dịch vụ thuế điện tử và xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp với từng nhóm người nộp thuế. Nâng cao năng lực, kỹ năng của đội ngũ công chức làm công tác tuyên truyền, hỗ trợ. Đồng thời, đẩy mạnh phối hợp với

các cơ quan, tổ chức liên quan và thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của người nộp thuế để cải thiện chất lượng phục vụ.

4.3.5. Tăng cường công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Đổi mới quản lý nợ thuế theo hướng chủ động phòng ngừa, kiểm soát nợ phát sinh ngay từ khâu đăng ký, kê khai và nộp thuế, kết hợp với phân loại nợ theo mức độ rủi ro. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, cảnh báo và quản lý nợ thuế; nâng cao hiệu quả các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đúng quy định. Chú trọng quản lý các nhóm người nộp thuế có rủi ro cao, nâng cao năng lực đội ngũ công chức quản lý nợ. Đồng thời, kết hợp tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế nhằm nâng cao ý thức tuân thủ và hạn chế phát sinh nợ thuế.

4.3.6. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế dựa trên quản lý rủi ro hiện đại

Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng lấy quản lý rủi ro làm nền tảng trong xây dựng kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra. Cục Thuế cần nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu, khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý, từng bước ứng dụng phân tích dữ liệu để phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro. Nội dung và phương pháp thanh tra, kiểm tra cần được đổi mới theo hướng chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra. Bên cạnh đó, cần tăng cường kiểm tra nội bộ, giám sát quy trình thực hiện, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và khai thác hiệu quả kết quả thanh tra, kiểm tra phục vụ quản lý thuế.

4.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

4.4.1. Kiến nghị đối với Nhà nước Dân chủ Lào

4.4.2. Kiến nghị đối với Bộ Tài chính

4.4.3. Kiến nghị đối với Tổng Cục Thuế

4.4.4. Kiến nghị đối với UBND tỉnh Hủa Phăn

KẾT LUẬN

.Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, đồng thời là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm công bằng xã hội. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển đổi số và sự phát triển nhanh của các mô hình kinh doanh mới, công tác quản lý thuế ngày càng phải đối mặt với nhiều yêu cầu và thách thức mới. Đối với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tăng cường huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước, bảo đảm tính bền vững của tài chính công và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Xuất phát từ yêu cầu đó, luận án **"*Quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*"** đã tập trung nghiên cứu một cách toàn diện cả về phương diện lý luận và thực tiễn, qua đó đạt được các kết quả chủ yếu sau đây.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về quản lý thuế trong điều kiện hiện đại.

Thứ hai, luận án đã phân tích toàn diện thực trạng quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2025, chỉ ra các kết quả, các hạn chế và nguyên nhân.

Thứ ba, trên cơ sở dự báo bối cảnh kinh tế quốc tế, trong nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Lào đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn.

Mặc dù đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án vẫn còn một số hạn chế nhất định. Phạm vi nghiên cứu chủ yếu tập trung tại tỉnh Hủa Phăn và số liệu phân tích trong giai đoạn 2020-2025. Một số nội dung như ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý thuế, quản lý thuế đối với nền kinh tế số và hợp tác quốc tế về trao đổi thông tin thuế mới chỉ được đề cập ở góc độ định hướng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tingkham Vilayphon; Vương Thị Thu Hiền (2026). *Kinh nghiệm quản lý thuế tại cục thuế một số tỉnh trong khu vực và bài học cho tỉnh Hủa Phăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*. *Tap chí Kinh tế - Tài Chính. Số 103 tháng 01/2026 (Online)*
2. Tingkham Vilayphon; Vương Thị Thu Hiền (2026). *Hoàn thiện quản lý thuế tỉnh Hủa Phăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*. *Tap chí Kinh tế - Tài Chính. Số 104 Tháng 01/2026 (Online)*
3. Tingkham Vilayphon; Vương Thị Thu Hiền (2026). *Chuyển đổi số trong quản lý thuế tại các tỉnh miền núi: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hủa Phăn, Lào*. *Tạp chí Kinh tế - Tài Chính. Số 301 Tháng 03/2026 (Online).*